

ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

TS. Trịnh Thanh Huyền *

Không thể phủ nhận những lợi ích to lớn của phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đối với nền kinh tế cũng như với hệ thống ngân hàng và với từng người dân. Song, để tăng TTKDTM thì phải giảm thanh toán bằng tiền mặt. Muốn vậy, cần đánh giá đúng mức những điều kiện cơ bản cho phát triển TTKDTM để đề xuất những giải pháp phù hợp.

Với sự ra đời của nhiều phương tiện thanh toán mới, hiện đại, tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán đã giảm xuống một cách đáng kể, từ mức hơn 32% năm 1997 xuống gần 24% năm 2001, 18% năm 2005 và khoảng gần 13% cuối năm 2013. Đã có trên 56.850 đơn vị hưởng lương từ NSNN (chiếm trên 65%) thực hiện trả lương qua tài khoản với 1,9 triệu cán bộ công chức nhận lương qua tài khoản. Đến cuối năm 2013, mạng lưới POS trên toàn quốc đã được kết nối liên thông; Kế hoạch tổng thể phát triển mạng lưới thanh toán thẻ qua POS giai đoạn 2014-2015 đã được xây dựng; 9 tổ chức không phải là ngân hàng đã được NHNN cho phép thực hiện thí điểm dịch vụ ví điện tử thông qua 33 TCTD. Năm 2013 đã có trên 28 triệu giao dịch và trên 120.700 tỷ đồng, tăng tương ứng 34% và 26% so với năm 2012, riêng giao dịch thanh

toán hàng hóa và dịch vụ chiếm trên 91%; số lượng thẻ phát hành đạt trên 66 triệu thẻ (tăng 22% so với cuối năm 2012 và tăng 60% so với cuối năm 2011); số lượng và giá trị giao dịch thẻ tăng lần lượt 25% và 43% so với năm 2012; tổng số ví điện tử phát hành đạt trên 1,84 triệu; lượng giao dịch đạt 45,3 triệu với giá trị 23.350 tỷ đồng. (Hình 1)

Khi TTKDTM được khuyến khích và đưa vào như một phương thức thanh toán chính yếu trong xã hội sẽ đem lại nhiều lợi ích để thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững. Nó sẽ tạo sự minh bạch trong các khoản chi tiêu và giao dịch của Chính phủ, các đơn vị kinh doanh và cá nhân, giúp dòng chảy tiền tệ được lưu thông minh bạch và trơn tru hơn. Đây là những nỗ lực không thể phủ nhận của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong phát triển TTKDTM thời gian qua, song, dường như tốc độ phát triển của TTKDTM vẫn chưa được như

mong muốn. Phải chăng do Việt Nam chưa có đủ những điều kiện cần thiết cho phát triển các hoạt động thanh toán hiện đại này?

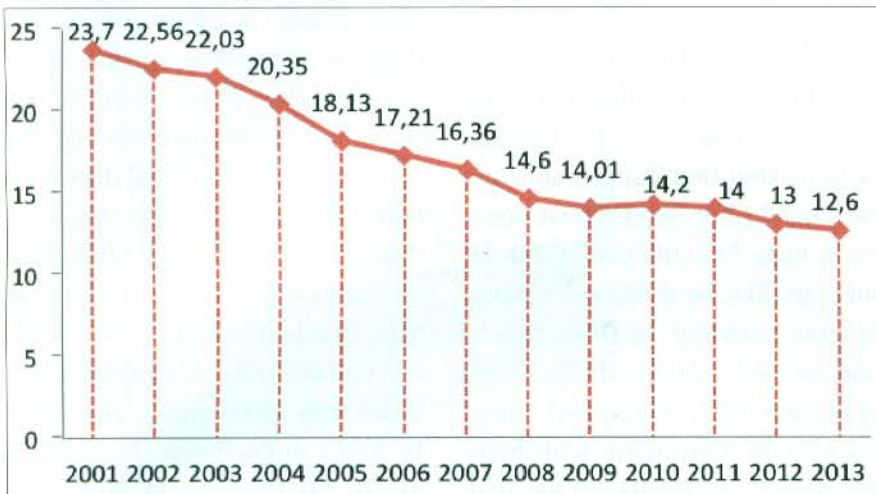
1. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT TRIỂN TTKDTM Ở VIỆT NAM

Nếu ở các nền kinh tế phát triển trên thế giới, khái niệm “thanh toán” gần như đồng nghĩa với TTKDTM, bởi tiền mặt chỉ còn chiếm khoảng 7-8% trong hoạt động thanh toán tại các nền kinh tế này, thì rõ ràng con số 13% ở Việt Nam vẫn còn khá cao, thanh toán bằng tiền mặt vẫn còn khá phổ biến, nhất là trong khu vực dân cư. Theo khảo sát của Ngân hàng Thế giới (WB), TTKDTM đã trở thành phương thức thanh toán phổ biến tại nhiều quốc gia phát triển trên thế giới như Bỉ, Pháp, Canada với giá trị chỉ tiêu của người dân chiếm tới hơn 90% tổng số giao dịch hàng ngày. Trong khi đó, hầu hết các nước đã, đang triển khai công cuộc cải cách hệ thống thanh toán hiện đại, để đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng cao của người dân. Như vậy, phát triển TTKDTM là rất cần thiết, song để phát triển và đảm bảo tính an toàn, tiện lợi của hoạt động thanh toán, đảm bảo thời gian, tốc độ thanh toán, cũng như chi phí hợp lý cho một giao dịch thanh toán,



* Trưởng Đào tạo và PTNNL VietinBank

Hình 1: Tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán (đơn vị: %)



Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN qua các năm

cần có những điều kiện nhất định, đó là: điều kiện về kinh tế - xã hội, điều kiện về kỹ thuật và công nghệ thanh toán, điều kiện về tổ chức mạng lưới và điều kiện về pháp lý. Đây là những điều kiện không thể thiếu để phát triển TTKDTM một cách an toàn và hiệu quả. Ở Việt Nam, về các điều kiện này có thể nhận thấy:

Thứ nhất, về kinh tế - xã hội

Là một nền kinh tế đang phát triển nhưng Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng đều qua các năm và khá cao so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó, khu vực dịch vụ là ngành đóng góp thứ hai sau ngành công nghiệp xây dựng. Do đặc điểm

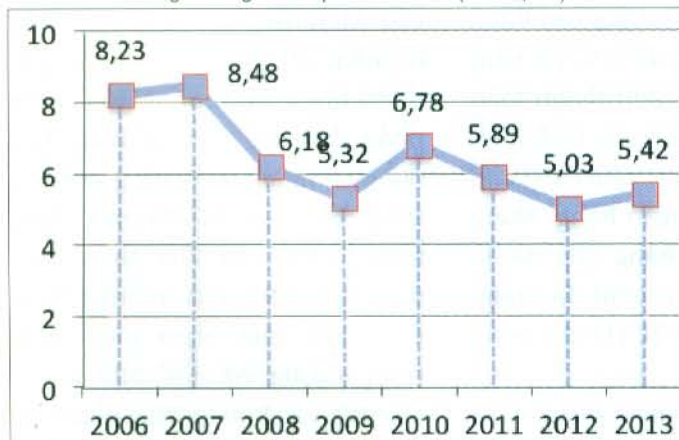
của dịch vụ ngân hàng nói chung và dịch vụ thanh toán nói riêng là mang tính vô hình nên kinh doanh chủ yếu trên cơ sở chữ "tín" và cũng chính bởi đặc điểm này nên các vấn đề về chính trị xã hội có tác động đặc biệt lớn tới hoạt động thanh toán qua các ngân hàng. Một quốc gia có nhiều bất ổn về chính trị sẽ làm kinh tế không tăng trưởng hoặc tăng trưởng chậm, các giao dịch bị hạn chế, từ đó dẫn tới nhu cầu sử dụng các dịch vụ thanh toán sẽ giảm xuống. Mấy năm trở lại đây, Việt Nam đã duy trì được tốc độ tăng trưởng đều và khá cao so với nhiều nước trong khu vực cũng như trên thế giới (ngay cả trong 6 tháng đầu năm 2014, kinh

tế gặp rất nhiều khó khăn thì GDP vẫn đạt mức tăng trưởng 5,18% so với cùng kỳ 2013), trong đó, đóng góp của khu vực dịch vụ ngày càng tăng. Đây là một điều kiện hết sức quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển TTKDTM qua các NHTM.

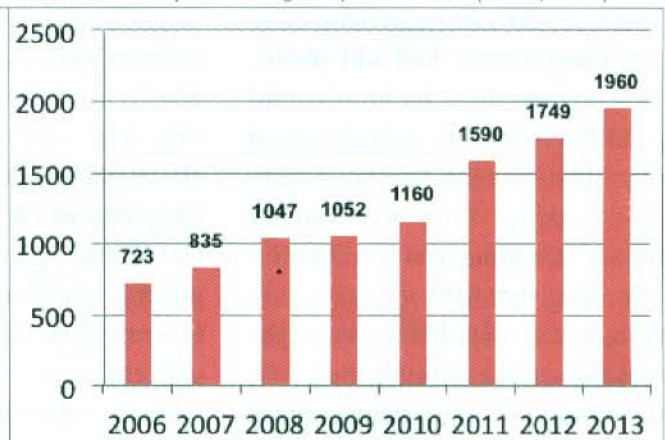
Lợi thế của Việt Nam trong việc phát triển TTKDTM hiện nay là chúng ta đang có một "tháp dân số vàng" với 56,3% dân số đang trong độ tuổi lao động⁽¹⁾, cư dân đô thị chiếm 29,6% và tăng lên nhanh chóng cùng với quá trình đô thị hóa với tốc độ tăng bình quân là 3,4%/năm giai đoạn 1999-2009, trong khi ở khu vực nông thôn, tỷ lệ tăng dân số chỉ có 0,4%/năm, riêng 2 thành phố lớn là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, quy mô dân số đã chiếm tới 15,8% tổng dân số cả nước⁽²⁾. Đây chính là những khách hàng tiềm năng của hoạt động TTKDTM.

Không chỉ có vậy, cũng như một số nước châu Á khác, người dân Việt Nam cũng được đánh giá là có độ ưa thích công nghệ cao, thậm chí là thể hiện mình qua việc sử dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại, nên rất thuận lợi cho việc phát triển các dịch vụ thanh toán qua internet, qua mobile... Hơn thế,

Tăng trưởng GDP qua các năm (đơn vị: %)



GDP bình quân đầu người qua các năm (đơn vị: USD)



Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN các năm

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Báo cáo thường niên của NHNN, WB và IMF

nền kinh tế Việt Nam hiện cũng đã vượt qua ngưỡng thu nhập trung bình (>1000USD/người/năm) nên rõ ràng nhu cầu đối với TTKDTM sẽ còn tăng lên nhiều. (Hình 2)

Các điều kiện xã hội cùng thói quen tiêu dùng cũng tác động không nhỏ tới TTKDTM. TTKDTM chỉ có thể thực hiện được khi các chủ thể thanh toán mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng và thực hiện thanh toán. Trong năm 2013, số lượng và giá trị giao dịch qua POS tại Việt Nam tăng trưởng khá cao, đạt trên 28 triệu giao dịch và đạt trên 120.700 tỷ đồng, tăng tương ứng 34% và 26% so với năm 2012. Đến cuối tháng 3/2014, đã có trên 48 triệu tài khoản với số dư trên 115.000 tỷ đồng (so với mức 5 triệu tài khoản và số dư 20.000 tỷ đồng cuối năm 2005). Số lượng tài khoản cá nhân tăng trung bình mỗi năm từ 130%-150% về số tài khoản và 120% về số dư³. Những con số này chắc chắn sẽ còn tiếp tục tăng lên khi các dịch vụ trung gian thanh toán, đặc biệt là thẻ mang lại khá nhiều tiện ích cho người dùng như: chuyển khoản, thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ tại POS, trả phí định kỳ với các khoản thanh toán thường xuyên (tiền điện, tiền nước, điện thoại, internet), mua hàng trực tuyến tại hệ thống siêu thị... Thêm vào đó, các ngân hàng cũng chú trọng tới các loại sản phẩm, dịch vụ hiện đại, tiện lợi hơn như ngân hàng điện tử, ngân hàng tại nhà, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động, ví điện tử... Mặc dù thực tế là tỷ trọng của việc rút tiền mặt bằng thẻ ATM vẫn còn cao, tỷ trọng giao dịch không dùng tiền mặt trong tổng số giao dịch mới đạt ở mức 3%, song, đây là những điều kiện căn bản và nền tảng để phát triển TTKDTM ở Việt Nam

Thứ hai, về kỹ thuật và công nghệ

Hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM đã có sự phát triển vượt bậc, nhờ sự đầu tư về cơ sở hạ tầng và triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ phục vụ cho hoạt động thanh toán. Hầu hết các TCTD đã thiết lập được hệ thống ngân hàng lõi (core banking), hệ thống thanh toán nội bộ với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, cho phép cung ứng các dịch vụ thanh toán hiện đại. Một số TCTD đã nỗ lực đầu tư, nâng cấp hệ thống thanh toán nội bộ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển thanh toán trong nền kinh tế. Các loại hình dịch vụ và phương thức thanh toán phát triển mạnh và đa dạng. Bên cạnh việc phát triển và mở rộng các phương thức truyền thống, nhiều dịch vụ, phương thức mới, hiện đại, tiện lợi và tiện ích dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin đã xuất hiện và đang đi dần vào cuộc sống, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới như thẻ ngân hàng, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking, ví điện tử. Việc triển khai các dịch vụ thanh toán điện tử, đặc biệt là thanh toán qua Internet, đã đạt được kết quả ấn tượng, số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ khá lớn, số lượng và giá trị giao dịch tăng cao (tăng tương ứng 83% và 42% so với năm 2012), tạo thêm kênh thanh toán mới, thuận tiện và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, nhà cung cấp hàng hóa và cả ngân hàng. Đáng chú ý, thẻ ngân hàng tiếp tục là phương tiện thanh toán đa dụng, tiện ích, được các TCTD chú trọng phát triển.

Mạng viễn thông phát triển nhanh cũng là điều kiện để triển khai các dịch vụ và phương tiện

thanh toán mới trên phạm vi cả nước, nhất là thanh toán qua điện thoại di động và qua mạng internet. Theo số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, gần như 100% doanh nghiệp được điều tra đã tổ chức triển khai ứng dụng thương mại điện tử ở nhiều quy mô và mức độ khác nhau và phát triển trên hầu khắp các tỉnh thành của cả nước; tổng số thuê bao điện thoại trên toàn mạng Việt Nam là 156,1 triệu, trong đó di động chiếm 90,32%, tương đương với hơn 140 triệu thuê bao; mật độ đạt 1,8 máy/dân và số lượng thuê bao internet đã lên tới hơn 4,3 triệu thuê bao quy đổi (gần 16 triệu người sử dụng), đạt mật độ 18,64 người sử dụng thuê bao trên 100 dân. Việt Nam có lợi thế về hạ tầng điện thoại, đặc biệt là điện thoại thông minh và Internet rất phát triển so với các nước trong khu vực. Wi-Fi phổ biến và được phủ sóng khắp nơi⁴. Báo cáo của hãng nghiên cứu thị trường GFK, từ tháng 6/2012 - 6/2013, đã chỉ ra số lượng người dùng smartphone chiếm gần 20% dân số và có đến 41% số người dùng smartphone để mua sắm sản phẩm⁵. Trong báo cáo *"Trực tuyến và xu hướng sắp tới: Tác động của Internet đối với các quốc gia đang lên"* vừa được Công ty tư vấn quản lý toàn cầu McKinsey & Company công bố năm 2012, Internet đóng góp 0,9% trong GDP, trong đó có một phần đáng kể đến từ mảng tiêu dùng cá nhân, và đóng góp 1,6% trong tổng số 14,4% mức tăng trưởng GDP của Việt Nam. Mức đóng góp 0,9% của Internet trong GDP của Việt Nam hiện đang tương đương với Thổ Nhĩ Kỳ và Morocco, cao hơn tại Nga nhưng lại thấp hơn nhiều so với mức 4,1% ở Malaysia, 3,2% ở Ấn Độ và 2,6%



Với sự ra đời của nhiều phương tiện thanh toán mới, hiện đại, tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán đã giảm xuống đáng kể

ở Trung Quốc. Công ty này cũng dự báo mức đóng góp của Internet vào GDP tại Việt Nam sẽ sớm tiệm cận mức trung bình của khu vực (2%) và còn có thể đạt tới 2,5% trong tương lai. McKinsey cũng đã công bố rất nhiều con số đáng chú ý về Việt Nam, chẳng hạn: các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam đã tăng 19,3% hiệu quả kinh doanh nhờ vào Internet (Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ tăng cao nhất trong số 30 quốc gia đang lên tham gia cuộc khảo sát của McKinsey); mức độ thặng dư tiêu dùng của Việt Nam đạt mức trung bình trong số các

quốc gia đang lên (khoảng 14 USD/tháng, tương đương 25 tỷ USD/năm ở 9 quốc gia đang lên); tính hoàn thiện của hệ sinh thái Internet ở Việt Nam hơi thấp hơn giá trị trung bình của khu vực (Việt Nam đạt 24 điểm trong khi trung bình khu vực đạt 37) nhưng tính hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái lại cao hơn mức trung bình khu vực (Việt Nam - 33, trung bình khu vực - 31). Các con số thống kê qua cuộc khảo sát này của McKinsey cho thấy, hơn 1/3 người sử dụng Internet tại Việt Nam truy cập các trang bán hàng hoặc đấu giá trực tuyến; hơn 1/2 người dùng Internet

tại Việt Nam tin rằng mua hàng trực tuyến giúp cho họ tiếp cận với một danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú hơn. Đây sẽ là nền tảng rất thuận lợi để đưa ra các giải pháp thanh toán điện tử.

Cùng với Chính phủ và ngân hàng, các doanh nghiệp cũng đang rất nỗ lực đầu tư phát triển phần mềm ứng dụng để triển khai các giải pháp công nghệ để phát triển thương mại điện tử, mở các kênh đặt hàng qua phương tiện điện tử. Theo báo cáo kết quả khảo sát năm 2008 do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Bộ Công Thương) tiến hành trên 1.683 doanh nghiệp thì mức độ đầu tư cho công nghệ thông tin và thương mại điện tử của các doanh nghiệp đã có những tín hiệu đáng mừng:

- Tỷ lệ đầu tư cho phần mềm tăng trưởng nhanh, chiếm 46% tổng đầu tư cho công nghệ thông tin của các doanh nghiệp, tăng gấp hai lần so với năm 2007; trong khi đó phần cứng cũng giảm từ 55,5% xuống còn 39%.

- Có 48% doanh nghiệp đầu tư dưới 5% tổng chi phí hoạt động cho công nghệ thông tin và thương mại điện tử, 38% có tỷ lệ đầu tư từ 5- 15% và 13% doanh nghiệp là trên 15%.

- Có 25,7% doanh nghiệp có tỷ trọng doanh thu từ thương mại điện tử là 5% tổng doanh thu, 38,7% là từ 5 - 15% và 35,6% chiếm tỷ trọng trên 15%

Đây là một trong những điều kiện hỗ trợ quan trọng cho phát triển các dịch vụ TTKDTM. Thêm vào đó, sự ra đời của hệ thống các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán như dịch vụ chuyển mạch tài chính, cổng thanh toán

điện tử... cũng đã và đang hỗ trợ đáng kể cho hoạt động thanh toán.

Thứ ba, về tổ chức mạng lưới cung cấp dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán

Mạng lưới cung cấp dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán là nhân tố quan trọng để mở rộng phạm vi thanh toán qua ngân hàng. Ở Việt Nam hiện nay, với 63 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cùng với hàng nghìn chi nhánh và hàng chục nghìn phòng giao dịch của các NHTM, chưa kể các máy ATM và POS, EDC, các khách hàng có thể giao dịch ở bất kỳ địa điểm và thời gian nào. Tính đến cuối tháng 3/2014, đã có trên 15.500 máy ATM và hơn 137.700 máy quét thẻ POS/EDC⁶ được lắp đặt trên toàn quốc, tăng lần lượt 8,4% và 31,7% so với cuối năm 2012.

Bên cạnh các điểm thanh toán và mạng lưới thanh toán của các NHTM, sự phát triển các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (như Banknet, VNBC hay Smartlink) với vai trò kết nối, truyền dẫn và xử lý dữ liệu điện tử các giao dịch thanh toán giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và người sử dụng dịch vụ khiến hoạt động thanh toán trở nên thuận lợi hơn rất nhiều. Smartlink đã kết nối liên thông hệ thống ATM thành công với Banknet.vn vào năm 2008 và VNBC vào năm 2009, tạo ra một mạng lưới kết nối ATM giữa các ngân hàng thống nhất trên toàn quốc, mang lại sự thuận tiện cho người sử dụng thẻ với khả năng rút tiền tại mọi máy ATM của các ngân hàng. Trên nền tảng kết nối thành công hệ thống ATM giữa các ngân hàng và các công ty chuyển mạch, thực hiện chỉ đạo của NHNN, Smartlink tiếp

tục triển khai mở rộng kết nối liên thông hệ thống POS với Banknet.vn vào tháng 09/2010 và VNBC vào tháng 12/2010 thành một mạng chung chia sẻ trên phạm vi quốc gia nhằm tạo điều kiện cho khách hàng của các ngân hàng có thể sử dụng chung các máy POS để thực hiện chi tiêu, thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ nội địa, giảm bớt thanh toán tiền mặt. Sau khi Smartlink, Banknet.vn và VNBC hoàn thành kết nối liên thông hệ thống POS và triển khai cung cấp dịch vụ cho 25 ngân hàng thành viên trên địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống đã xử lý thành công hơn 6.000 giao dịch POS liên mạng với tổng giá trị giao dịch đạt 7,2 tỷ đồng. Sự kiện kết nối liên thông ATM và hệ thống POS là bước phát triển đầu tiên trong việc triển khai xây dựng hạ tầng thanh toán điện tử hiện đại, mang lại các tiện ích và văn minh thanh toán đến đông đảo tầng lớp dân cư.

Với các nỗ lực mở rộng mạng lưới, doanh số thanh toán thẻ của các NHTM đã không ngừng gia tăng qua các năm. Năm 2006, doanh số thanh toán thẻ quốc tế tại đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) mới chỉ đạt hơn 500 triệu USD thì đến cuối năm 2011, toàn thị trường đã đạt khoảng 1.900 triệu USD, cao gấp gần 4 lần⁽⁷⁾. Đối với hoạt động thanh toán thẻ nội địa, thời gian gần đây, các NHTM đã chú trọng đầu tư và tích cực mở rộng mạng lưới ĐVCNT nội địa, trong đó chú trọng các ĐVCNT trong các lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị... nhằm tạo cơ sở thuận lợi và dễ dàng cho khách hàng sử dụng thẻ ghi nợ nội địa để thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Đặc biệt, một số dịch vụ tiện ích hàng

ngày như taxi, mua vé tàu hỏa cũng bắt đầu được một số ngân hàng hợp tác với đơn vị cung cấp dịch vụ cho phép thanh toán bằng thẻ ghi nợ nội địa. Với lợi thế đặc thù xuất phát từ tính chất phổ biến rộng rãi, đơn giản, dễ sử dụng của loại hình thanh toán thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ ghi nợ nội địa đang dần thể hiện các đóng góp quan trọng trong việc tạo thói quen và nâng cao nhận thức của người dân về phương thức thanh toán hiện đại, đẩy mạnh hoạt động TTKDTM trong dân cư.

Bên cạnh những nỗ lực của bản thân các NHTM, việc hoàn thiện hệ thống thanh toán liên ngân hàng cũng là một trong những điều kiện căn bản để phát triển TTKDTM. Nhìn lại lịch sử hơn 20 năm trước đây, mọi khoản giao dịch thanh toán vốn của các NHTM với nhau và với NHNN đều được ghi vào tài khoản tiền gửi của NHTM mở tại NHNN để tăng hoặc giảm vốn tương ứng. Bởi vậy, chưa thể phát triển được hệ thống thanh toán. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng ra đời là một bước tiến quan trọng đối với hoạt động thanh toán vốn giữa các ngân hàng giúp hoạt động thanh toán được tiến hành ổn định, thông suốt.

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập được hệ thống thanh toán tổng tức thời có độ an toàn và tin cậy cao, mở rộng tới 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố kết nối 97 TCTD với gần 800 đơn vị thành viên trực tiếp (chi nhánh trên phạm vi toàn quốc). Cho đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, tức là chỉ cách đây khoảng 2 thập kỷ, mọi khoản giao dịch thanh toán vốn của các NHTM với nhau và với NHNN đều được ghi vào tài khoản tiền gửi của NHTM mở tại NHNN để tăng hoặc giảm vốn tương ứng, đến

nay, mọi hoạt động thanh toán vốn giữa các ngân hàng đều đã được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời, an toàn trên hệ thống thanh toán liên ngân hàng. Thời gian xử lý một giao dịch thanh toán được rút ngắn từ hàng tuần như trước đây, rồi xuống vài ngày, nay chỉ còn vài phút hoặc chỉ trong vài giây, mà thậm chí là tức thời, điều đó đã giúp các ngân hàng chủ động điều phối nguồn vốn của mình một cách linh hoạt, tránh tình trạng thừa thiếu cục bộ. Công nghệ thanh toán cũng đã có sự phát triển mang tính “nhảy vọt”, không còn mang tính tự phát, phân tán như trước kia nữa. Hệ thống phần mềm cũng như mạng đường truyền tốc độ cao đều được các ngân hàng sử dụng và tiếp tục mở rộng các ứng dụng. Nếu so với chỉ tiêu của WB thì hệ thống thanh toán liên ngân hàng của Việt Nam tương đương với mức trung bình cao.

Thứ tư, về khuôn khổ pháp lý

Nghị định 101/2012/NĐ-CP được ban hành ngày 22/11/2012 và bắt đầu có hiệu lực từ 26/3/2013 trên cơ sở kế thừa các nội dung hợp lý từ Nghị định 64 và bổ sung các điểm mới nhằm hoàn thiện các chính sách TTKDTM cho phù hợp hơn với cuộc sống và sự tiến bộ của nền kinh tế, và bắt nhịp được với những biến động không ngừng của hoạt động thanh toán, nhất là khi Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các TCTD năm 2010 đã được ban hành. Nghị định 101/2012/NĐ-CP ra đời là một khuôn khổ pháp lý quan trọng, khắc phục những điểm bất cập, chưa đồng bộ, chưa theo kịp sự phát triển của thị trường trước đó. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định đã bổ sung thêm “dịch vụ trung

gian thanh toán; tổ chức, quản lý, giám sát các hệ thống thanh toán tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức không phải là ngân hàng hoạt động; đồng thời, khẳng định vai trò quản lý Nhà nước của NHNN đối với loại hình dịch vụ này và đối với các hệ thống thanh toán trong nền kinh tế. Đối tượng áp dụng cũng được bổ sung thêm các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là các tổ chức không phải là ngân hàng tham gia cung ứng. Đây là một bước tiến dài về pháp lý không chỉ bởi đã lấp đầy khoảng trống pháp lý trước đây, có nhiều dịch vụ thanh toán mới ra đời nhưng hành lang pháp lý vẫn chưa được hoàn thiện (chẳng hạn như vấn đề phát hành, thanh toán và sử dụng tiền điện tử dựa trên các vật mang tin khác ngoài thẻ ngân hàng như chip điện tử, sim điện thoại di động hay các thiết bị điện tử khác), mà còn là cơ sở để NHNN ban hành các hướng dẫn chi tiết một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán nhằm thực hiện vai trò quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

Tất nhiên, để các quy định này đi vào cuộc sống thì cần có các Thông tư hướng dẫn của NHNN, song không thể phủ nhận là về cơ bản, chúng ta đã hình thành được một khuôn khổ pháp lý đủ rộng để các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tham chiếu, từng bước chuẩn hóa hoạt động và phát triển các dịch vụ thanh toán trong nền kinh tế. Các vấn đề liên quan đến hoạt động thanh toán từ khâu mở và sử dụng tài khoản đến việc sử dụng các hình thức thanh toán đã được hệ thống hóa; quyền lợi và trách nhiệm của các chủ thể tham gia thanh toán cũng như các phương thức thanh toán đều được quy định rõ.

2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT

Một là, từng bước làm thay đổi thói quen và nhận thức của người dân trong việc nhìn nhận tiền mặt là một công cụ được ưa chuộng trong thanh toán và từ lâu đã trở thành thói quen khó thay đổi của người tiêu dùng và nhiều doanh nghiệp. Ở các quốc gia phát triển, thói quen tiêu dùng của dân chúng là thanh toán qua ngân hàng, mỗi công dân đều có tài khoản cá nhân tại ngân hàng, vì vậy, việc phát triển dịch vụ thanh toán của ngân hàng là rất dễ dàng. Trong khi đó, ở các quốc gia kém phát triển hoặc đang phát triển, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế, thói quen tiêu dùng bằng tiền mặt đã ăn sâu, bén rễ vào tiềm thức của dân chúng, cho nên việc triển khai dịch vụ thẻ gặp nhiều khó khăn. Không dễ gì thay đổi một thói quen cố hữu lâu đời, người dân ở các nước chậm phát triển thường e ngại khi tiếp xúc với các dịch vụ ngân hàng hiện đại, đối với họ, tiền nằm trong túi của mình là tốt nhất và an toàn nhất, không bị phụ thuộc vào ai. Chính vì vậy, muốn phát triển TTKDTM thì trước hết phải giúp cho mỗi người dân hiểu rõ những tiện ích của phương tiện thanh toán này. Nếu người dân có hiểu biết đầy đủ hơn thì họ sẽ cảm thấy an toàn hơn, thuận tiện và thoải mái hơn khi sử dụng dịch vụ mà ngân hàng cung cấp, từ đó tất yếu nảy sinh nhu cầu sử dụng.

Một điều đáng lưu tâm trong hoạt động tuyên truyền đối với các lĩnh vực kinh tế nói chung và hoạt động ngân hàng, hoạt động thanh toán nói riêng là các thông điệp phải rất rõ ràng, cụ thể, không đưa ra những tiêu chí chung chung, động viên sáo rỗng. Đồng thời, phải để khách hàng hiểu được, với từng dịch vụ sẽ có ưu điểm và

hạn chế gì? Chẳng hạn, khi tuyên truyền cho các dịch vụ thanh toán mới như thẻ, cần nêu rõ khách hàng được lợi gì từ các sản phẩm này, nhất là những lợi ích kinh tế như chế độ giảm giá khi mua hàng bằng thẻ, giảm phí dịch vụ, được trở thành khách hàng thân thiết hay khách hàng VIP khi doanh số thanh toán đạt được ngưỡng nhất định nào đó, song họ phải rất cẩn thận “giữ thẻ như giữ tiền”, thường xuyên đổi password hoặc luôn duy trì số dư trong tài khoản.

Còn đối với ví điện tử, phạm vi ứng dụng lại rất khác với ví điện tử ATM vì ví điện tử cho phép thanh toán trực tuyến, thực hiện các giao dịch gắn liền với internet và online, trong khi ATM là dùng offline. Người dùng ví điện tử chỉ cần có máy tính nối mạng Internet là có thể vào được cổng thanh toán mở tài khoản để giao dịch, mua bán và được bảo vệ quyền lợi, được sử dụng các dịch vụ gia tăng giá trị,... mà không cần phải ra ATM hoặc POS để “quẹt thẻ”. Tuy vậy, khi sử dụng dịch vụ ví điện tử, nghĩa là người dùng phải làm thủ tục tạo ví, tức là mua một cái ví để đựng tiền, nhưng ví phải có tiền thì mới tiêu được, nên họ phải làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng hoặc ATM vào ví điện tử để tiêu. Ví này lại chỉ tiêu được ở một số website thương mại điện tử có chấp nhận ví ấy chứ không phải ở mọi website và khi tiêu không hết tiền, chủ sở hữu ví lại phải làm thủ tục rút tiền ra”.

Việc tuyên truyền một cách cụ thể cho các hoạt động TTKDTM hiện nay trong nền kinh tế sẽ khiến khách hàng hiểu hơn, nắm được ưu nhược điểm của từng hình thức, rồi từ đó tự quyết định chọn lựa hình thức phù hợp nhất với mình. Có như vậy, những thay đổi này

mới thực sự xuất phát từ nhu cầu tự thân và mới khiến cho khách hàng xóa đi thói quen và tập quán thanh toán chi tiêu bằng tiền mặt.

Hai là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế giám sát trong TTKDTM. Thực tiễn phát triển nhanh và mạnh các hoạt động TTKDTM như vậy đã đặt ra các yêu cầu đòi hỏi nhất định về cơ sở pháp lý điều chỉnh các hoạt động, dịch vụ thanh toán mới. Những nội dung cần hoàn thiện không chỉ hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến các hoạt động thanh toán nói chung trong nền kinh tế, bao gồm thanh toán bằng tiền mặt và TTKDTM mà còn cần tạo lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm khả năng tiếp cận thị trường và tiếp cận dịch vụ đối với các chủ thể có chức năng tương tự như nhau; hình thành cơ chế bảo vệ khách hàng hữu hiệu và bảo đảm quy trình giải quyết tranh chấp hiệu quả và khách quan. Phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động thanh toán, trên cơ sở đó, kiểm soát rủi ro pháp lý thích hợp và đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế được các định chế tài chính, tiền tệ quốc tế khuyến nghị hoặc được áp dụng chung ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Ba là, hiện đại hoá công nghệ và các hệ thống thanh toán. Xây dựng một hệ thống thanh toán hiện đại là mục tiêu dài hạn của ngành Ngân hàng Việt Nam. Một hệ thống thanh toán được tổ chức tốt hơn, an toàn hơn, ít rủi ro hơn thì không chỉ làm tăng doanh số thanh toán, làm cho dịch vụ thanh toán ngày càng trở nên hoàn thiện hơn mà còn góp phần hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của các dịch vụ khác phát triển. Hiện đại

hoá hệ thống thanh toán điện tử của ngân hàng sẽ giúp ngân hàng xây dựng được kết cấu hạ tầng hiện đại để cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng, ngày càng thoả mãn tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả quản lý và tăng hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra, cần có những giải pháp quyết liệt trấn áp một cách có hiệu quả vấn đề liên quan đến gian lận trong hoạt động này. Gian lận phát sinh chủ yếu liên quan đến gian lận tài khoản thẻ và thẻ giả, tiếp sau là các loại hình khác như thẻ mất cắp, thất lạc... Trong đó, gian lận tài khoản thẻ thường xảy ra với các giao dịch không xuất trình thẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể so với gian lận thẻ giả.■

¹Tạp chí Ngân hàng tháng 9/2011, trang 30.

²Theo Báo cáo của Tổng Cục Thống kê ngày 21/7/2010.

³ThS. Đỗ Thị Lan Phương - Thanh toán không dùng tiền mặt: Xu hướng trên thế giới và thực tiễn tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính số 6 - 2014.

⁴Thuê bao ADSL vẫn tăng, Tổng cục Thống kê nói “không” - ICTnews - Chuyên trang về CNTT của Báo điện tử Infonet.

⁵Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt - Vn Express ngày 16/1/2014.

⁶POS (Điểm chấp nhận thẻ), EDC (Thiết bị điện tử đọc thẻ).

⁷Đến nay, mạng lưới thanh toán thẻ tại Việt Nam đã sẵn sàng chấp nhận thanh toán các thẻ mạng thương hiệu Visa, MasterCard, American Express, JCB, Dinners Club, CUP và DiscoverCard là các thương hiệu thẻ hàng đầu và phổ biến nhất thế giới hiện nay. Báo cáo thường niên của Hiệp hội thẻ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo thường niên của NHNN, Hiệp hội thẻ, WB và IMF.
2. Tạp chí Ngân hàng tháng 9/2011, trang 30.
3. Báo cáo của Tổng Cục Thống kê ngày 21/7/2010.
4. Báo cáo “Trực tuyến và xu hướng sắp tới: Tác động của Internet đối với các quốc gia đang lên” vừa được Công ty tư vấn quản lý toàn cầu McKinsey & Company công bố năm 2012.
5. ThS. Đỗ Thị Lan Phương - Thanh toán không dùng tiền mặt: Xu hướng trên thế giới và thực tiễn tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính số 6 - 2014.
6. Website ICTNews và VnExpress.